

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2017
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Bình

2. Ông Nguyễn Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp C1, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 02 năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện G. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung bên gia đình anh T đến tháng 7 năm 2016 ly thân cho đến nay; nguyên nhân do anh T ham chơi cờ bạc, uống rượu thường xuyên, bỏ việc làm, dùng dao đâm dọa chị sau mỗi lần uống rượu. Nay chị L yêu cầu ly hôn, con chung cháu Lê Minh N, sinh ngày 03/12/2009 hiện đang sống chung với anh T, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2017 chị L có yêu cầu bà Ngô Thị

D trả lại sợi dây chuyền vàng 24k 2,5 chỉ và 01 chiếc lắc vàng 18k 02 chỉ; nay chị L rút lại yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình lấy lời khai anh T thừa nhận lời trình bày của chị L về ngày tháng năm chung sống, con chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, nếu ly hôn con chung yêu cầu tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu ý kiến; từ khi thụ lý cho đến khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng anh T không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn; trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L và anh T ly hôn; con chung giao anh T tiếp tục nuôi; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với bà Ngô Thị D về việc trả lại sợi dây chuyền vàng 24k 2,5 chỉ và 01 chiếc lắc vàng 18k 02 chỉ, do chị L rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 02 năm 2009 có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện G nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị L về sống bên gia đình anh T đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu bỏ việc làm, ham chơi bài bạc; chị L bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống thì anh T đi theo. Trong thời gian sống chung bên vợ, anh T lại tiếp tục uống rượu về quậy phá, dùng dao đâm dọa chị L nhiều lần, gây gổ với nhau thường xuyên. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L và anh T ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Lê Minh N, sinh ngày 03/12/2009 hiện đang sống chung với anh T từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay, cháu đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; anh T có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng và điều kiện để tiếp tục nuôi con; trong quá trình lấy lời khai cháu N yêu cầu được sống

chung với anh T. Xét thấy yêu cầu của anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị L và anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Ngoài ra trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2017 chị L có yêu cầu bà Ngô Thị D trả lại sợi dây chuyền vàng 24k 2,5 chỉ và 01 chiếc lắc vàng 18k 02 chỉ; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L rút lại yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị L về việc yêu cầu bà Ngô Thị D trả lại sợi dây chuyền vàng 24k 2,5 chỉ và 01 chiếc lắc vàng 18k 02 chỉ.

[5] Về án phí: chị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về con chung: cháu Lê Minh N, sinh ngày 03/12/2009 giao anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu giải quyết.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị L, anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ L về việc yêu cầu bà Ngô Thị D trả lại sợi dây chuyền vàng 24k 2,5 chỉ và 01 chiếc lắc vàng 18k 02 chỉ.

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011869 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: TAGD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng